

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HS-ST
Ngày: 08/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Lan – Giáo viên nghỉ hưu.

- Bà Nguyễn Thị Mai Linh – Bí thư đoàn thanh niên phường Thái Bình, thành phố Hoà Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung và ông **Nguyễn Trọng Đ** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam **Công an tỉnh H** mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/TLST – HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST – HS ngày 23/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/10/1994 tại Hòa Bình;

Nơi ĐKKHKT: Đội 4, thôn Đồng Nanh, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội;

Nơi ở: SN 86 đường Mạc Đĩnh Chi, tổ 19, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Văn N** và bà **Nguyễn Thị H1**; Vợ, con: Chưa có.

Là Đảng viên **Đ4**. Đã bị xóa tên trong danh sách Đảng viên (lý do "Tự ý bỏ sinh hoạt Đảng") theo Quyết định số 759-QĐ/TH.U ngày 27/02/2024 của **Thành ủy H6**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 30/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh H**, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Công V, sinh ngày 18/8/1990 tại Hòa Bình;

Nơi cư trú: **Số D, đường N, tổ D, ấp B, xã N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh;**

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Phan Ngọc T** và bà **Nguyễn Thị O**; Có vợ là **Nguyễn Thị Mỹ T1**; Có 01 con, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 30/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh H**, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Phúc L, sinh ngày 28/02/1997 tại Phú Thọ;

Nơi cư trú: **khu Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ**.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Ngọc Đ1** và bà **Bùi Thị N1**; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Năm 2014, bị **Công an huyện T**, tỉnh Phú Thọ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác, hình thức xử phạt tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPHC ngày 25/9/2014 (Đã chấp hành xong).

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 30/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh H**, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

4. Xa Thị T2, sinh ngày 13/10/2006 tại Hòa Bình;

Nơi ĐKTT: xóm Lanh, xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình;

Nơi ở: Tổ 14, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Xa Văn T3** và bà **Đinh Thị T4**; Chồng, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 30/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh H**, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo T2*: Bà **Đinh Thị T4**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **xóm L, xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** (là mẹ đẻ của bị cáo **T2**) (Có mặt).

- *Người đại diện của Chính quyền địa phương nơi bị cáo T2 cư trú*: Ông **Đinh Hồng T5** – Chức vụ: Bí thư đoàn Thanh niên **xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** (Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo T2*: Bà **Nguyễn Thị Hồng N2** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H** (Có mặt).

5. Nguyễn Văn Đ2, sinh ngày 30/11/2002 tại Hòa Bình;

Nơi ĐKTT: xóm Hồng Phong 2, xã Yên Bồng, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình;

Chỗ ở: Tổ 11, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Văn T6** và bà **Nguyễn Thị L1**; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 02/10/2023 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh H**, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

6. **Bùi Hồng G**, sinh ngày 17/10/2005 tại Hòa Bình;

Nơi cư trú: **Xóm N, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình**;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Bùi Đức A** và bà **Bùi Thị H2**; Chồng, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; được triệu tập, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo **G**: Bà **Nguyễn Thị Hồng N2** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H** (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Xa Thị Kim H3**, sinh ngày 15/9/2006; Nơi cư trú: Xóm riêng, **xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của chị H3: Ông **Xa Vũ H4** (bố đẻ của chị **H3**), sinh năm 1982; Nơi cư trú: Xóm riêng, **xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** (Có mặt).

2. Anh **Bùi Mạnh H5**, sinh năm 2004; Nơi ĐKKTT: **xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình**; Nơi cư trú: **Tổ A, phường Đ, TP H, tỉnh Hòa Bình** (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh **Bùi Mạnh L2**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: **SN H đường M, tổ A, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình** (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Anh **Đình Phi K**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: **tổ F, phường H, TP ., tỉnh Hòa Bình** (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H; **Phan Công V**; **Nguyễn Phúc L** và **Xa Thị T2** có mối quan hệ bạn bè quen biết xã hội.

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 29/9/2023, nhóm **H, L, T2** và **Xa Thị Kim H3** ăn uống tại **quán Bar A1** thuộc **tổ I, phường H, TP .**. Lúc này, **Phan Công V** nhắn tin cho **H** nói bản thân đang đón xe từ **Hà Nội lên TP .** và xin ngủ nhờ tại nhà **H**, **H** đồng ý và bảo **V** về phòng trọ của **H**. Qua trao đổi, **H** rủ **V** cùng sử dụng ma túy, **V** đồng ý. Tiếp theo, **H** rủ **L, T2** và **H3** cùng về phòng trọ của **H** tại **số nhà H, đường M, tổ A, phường T, TP .** để sử dụng ma túy, cả nhóm đồng ý rồi bắt taxi về phòng trọ của **H**. Trên đường di chuyển, **L** ghé vào phòng trọ của mình tại **tổ A, phường H, TP .** lấy 01 (một) loa màu đen nhãn hiệu Harman/kardon của bản thân mang đến nhà **H** mục đích để nghe nhạc tăng hưng phấn khi sử dụng ma túy.

Trên đường đi về phòng trọ, **L** đưa cho **H** số tiền mặt 1.000.000đ (Một triệu đồng) mục đích để góp tiền mua ma túy. Về đến phòng trọ, **H** và **V** trao đổi, **H** bảo **V** mua ma túy số lượng là 02 (hai) chỉ ma túy Ketamine và 04 (bốn) viên ma túy MDMA, **V** đồng ý. **H** nói bản thân đang hết tiền, **V** sử dụng tài khoản **ngân hàng T7** số tài khoản 19037128431014 của **V** chuyển khoản số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vào tài khoản **ngân hàng B2** số tài khoản 4550998951 của **H** mục đích để góp tiền mua ma túy. Sau khi nhận tiền từ **V**, **H** sử dụng ứng dụng **Z** gọi điện thoại cho một tài khoản mang tên "A Khanh MT" để đặt mua ma túy, người này đồng ý. **H** sử dụng tài khoản **ngân hàng B2** số tài khoản 4550998951

chuyển khoản số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho tài khoản ngân hàng T8 số tài khoản 826626688888 (chủ tài khoản Đinh Phi K, SN 1990, trú tại tổ F, phường H, TP.), sau đó nhắn tin cho tài khoản Zalo "A Khanh MT" nội dung "2c4v" kèm hình ảnh nội dung đã chuyển khoản.

Khoảng 30 phút sau, H nhận được điện thoại từ tài khoản Zalo "A K1 MT" nói đã để ma túy vào trong một vỏ bao thuốc lá và vứt ở trước cửa số nhà H, đường M, tổ A, phường T, TP. H ra cửa nhà lấy số ma túy mua được gồm 06 (sáu) túi nilon dạng zip, cụ thể: 04 (bốn) túi nilon dạng zip bên trong chứa ma túy tương đương 02 (hai) chỉ ma túy Ketamine; 02 (hai) túi nilon dạng zip bên trong mỗi túi chứa 02 (hai) viên ma túy MDMA (kẹo) rồi đem vào trong phòng ngủ cho mọi người cùng sử dụng.

Quá trình sử dụng ma túy, H tự lấy 01 (một) viên ma túy MDMA, bẻ làm đôi rồi tự sử dụng một nửa viên bằng cách uống. V cũng tự lấy một nửa viên ma túy MDMA đã bẻ sẵn rồi sử dụng bằng cách uống. Sau đó, H lấy 01 (một) viên ma túy MDMA đưa cho L, L bẻ viên ma túy làm đôi, tự sử dụng một nửa viên, nửa viên còn lại L đưa cho T2 sử dụng bằng cách uống. Tiếp theo, H đưa cho L 02 (hai) gói ma túy Ketamine, L bảo T2 ra phòng bếp lấy đĩa hơi nóng mục đích để chế biến ma túy (xào ke), T2 đồng ý. T2 ra phòng bếp của nhà H lấy 01 (một) đĩa sứ màu trắng, sau đó hơi phần đáy đĩa lên 01 (một) bếp gas ghi nhãn hiệu YOKI; sau khi đĩa nóng, T2 mang vào phòng ngủ, lấy 01 (một) thẻ căn cước công dân của mình rồi đưa cho L, L đổ số ma túy Ketamine trong túi ra mặt đĩa sứ rồi dùng thẻ căn cước công dân của T2 để chế biến ma túy. T2 sử dụng 01 (một) điện thoại di động của bản thân để bật đèn flash mục đích soi cho L chế biến ma túy. Sau khi kẻ ma túy Ketamine thành các đường nhỏ trên mặt đĩa, L lấy 01 (một) tẩu hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ (Mười nghìn đồng) có sẵn trong phòng ngủ của H rồi tự sử dụng 02 (hai) đường ma túy Ketamine bằng cách hít, sau đó đưa đĩa ma túy cho H, sử dụng xong H đưa đĩa ma túy cho V, V sử dụng xong đưa lại đĩa ma túy cho H, H tự kẻ và sử dụng cho bản thân, dùng xong H đưa đĩa ma túy cho H3 sử dụng 01 đường. L tiếp tục chế biến ma túy, sau đó đưa đĩa ma túy cho T2 để T2 sử dụng 02 (hai) đường, dùng xong T2 đưa đĩa ma túy cho H3 sử dụng.

Trong quá trình sử dụng ma túy, H tìm gọi nhân viên đến để phục vụ và cùng sử dụng ma túy. Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 30/9/2023, H gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ2 (là bạn quen biết của H) để đặt 01 nhân viên phục vụ phòng bay (nghĩa là cùng sử dụng ma túy) với giá thỏa thuận 250.000đ/giờ, Đ2 đồng ý. Qua ứng dụng Facebook Messenger, Đ2 gọi cho Bùi Hồng G (sinh ngày 17/10/2005), bảo G đi phục vụ khách phòng bay (nghĩa là cùng sử dụng ma túy), G đồng ý. Sau đó, Đ2 gọi điện thoại cho Bùi Mạnh H5 nhờ H5 chở G đi làm nhưng không nói đi làm việc gì, H5 đồng ý. Đông nhắn tin gửi số điện thoại của H cho H5, dặn H5 tự gọi điện thoại để hỏi địa chỉ. H5 gọi điện thoại cho H, qua ứng dụng Zalo Hùng gửi định vị cho H5, theo định vị H5 chở G đến nhà H, còn H5 đi về nhà.

Sau khi đón G vào phòng, H lấy 01 (một) viên ma túy MDMA bẻ làm đôi rồi đưa cho G một nửa để Gấm sử dụng; sau đó bảo G ngồi cạnh V để phục vụ bằng cách vỗ nhẹ vào người V mục đích tăng hưng phấn cho V khi sử dụng ma

túy. **H** tiếp tục lấy 02 (hai) gói ma túy Ketamine còn lại ra tự chế biến trên đĩa bằng 01 (một) thẻ ATM **V1** có sẵn trong phòng, **L** lấy 01 (một) điện thoại di động của bản thân rồi bật đèn flash để soi đèn cho **H**. Sau khi chế biến xong, **H** đưa đĩa ma túy cho **L** sử dụng 02 (hai) đường ma túy Ketamine, sau đó **H** tiếp tục đưa đĩa ma túy cho **G** sử dụng 02 (hai) đường ma túy Ketamine. Gấm sử dụng xong thì tự kẻ 02 (hai) đường ma túy Ketamine rồi đưa cho **V** sử dụng hết.

Đối với **H3**, sau khi đã sử dụng ma túy xong **H3** đi ngủ, đến khoảng 05 giờ sáng ngày 30/9/2023, **H3** tự rời khỏi nhà **H** để đi về nhà.

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/9/2023, tổ công tác **Công an T** tiến hành kiểm tra số nhà **H**, đường **M**, tổ **A**, phường **T**, TP .; phát hiện trong phòng lúc này có **Nguyễn Văn H**, **Phan Công V**, **Nguyễn Phúc L**, **Xa Thị T2**, **Bùi Thị G1**. Cơ quan công an đã thu giữ các tang vật liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và đưa các đối tượng về trụ sở làm việc theo quy định.

Quá trình điều tra, ngày 02/10/2023, **Nguyễn Văn Đ2** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an T** để đầu thú về hành vi chỉ đạo **Bùi Hồng G** đến nhà của **Nguyễn Văn H** để cùng sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 415/KL-KTHS ngày 09/10/2023 của **Phòng K2** – **Công an tỉnh H**, kết luận:

" - 02 mảnh viên nén màu trắng ký hiệu **G1** trong phong bì số 01, gửi giám định có khối lượng 0,39g (Không phân ba mươi chín gam), là ma túy, loại MDMA;

- Chất bám dính màu trắng ký hiệu **G2** trong phong bì số 2, gửi giám định quá ít không xác định được khối lượng. Chất bám dính màu trắng là ma túy, loại Ketamine;

- Chất bám dính màu trắng trên thẻ ATM **V1** màu xanh trong phong bì số 2, gửi giám định quá ít không xác định được khối lượng. Chất bám dính màu trắng là ma túy, loại Ketamine;

- Chất bám dính màu trắng ký hiệu **G3** đến **G6** trong hộp niêm phong, gửi giám định quá ít không xác định được khối lượng. Chất bám dính màu trắng là ma túy, loại Ketamine;

- Chất bột màu trắng trên bề mặt đĩa sứ màu trắng và bên trong tờ tiền mệnh giá 10.000đ được cuộn tròn thành dạng ống hút trong Hộp niêm phong, gửi giám định quá ít không xác định được khối lượng. Chất bột màu trắng là ma túy, loại Ketamine;

- Chất bám dính màu trắng trên thẻ căn cước công dân tên **Xa Thị T2**, sinh năm 2006 trong hộp niêm phong, gửi giám định quá ít không xác định được khối lượng. Chất bám dính màu trắng là ma túy, loại Ketamine.

MDMA nằm trong danh mục IB, số thứ tự: 11, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Ketamine nằm trong danh mục III, số thứ tự: 40, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ. (Bút lục số 231-232).

Tại Bản kết luận giám định số 481/KL-KTHS ngày 15/11/2023 của **V2** - **Bộ C** kết luận:

"- Tìm thấy 31 nhật ký cuộc gọi thoại, 0 cuộc gọi zalo, 0 cuộc gọi từ **M**. Tìm thấy 0 tin nhắn SMS, 0 tin nhắn zalo, 08 tin nhắn từ Messenger từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2023. (Nội dung nhật ký cuộc gọi, tin nhắn được thể hiện trong thư

mục có tên "DL trích xuất.zar" có mã MD5: CDF248AE8A88141DCCFF652EBA3999C2). Kèm theo kết luận: Một USB lưu trữ nhật ký cuộc gọi và tin nhắn trích xuất được trong điện thoại gửi giám định". 01 USB lưu giữ dữ liệu đã được khôi phục trên 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax thu giữ của Nguyễn Văn Đ2 được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong kín, mép dán có dấu giáp lai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

Tại biên bản xét nghiệm chất ma túy xác định: Nguyễn Văn H, Phan Công V, Nguyễn Phúc L, Xa Thị T2, Bùi Thị G1, Xa Thị Kim H3 đều dương tính với chất ma túy.

Tại biên bản thử thai ngày 30/9/2023 và Phiếu kết quả siêu âm ngày 09/10/2023 xác định tại thời điểm phạm tội ngày 30/9/2023, bị cáo Bùi Hồng G đang có thai khoảng 08 tuần tuổi.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Cáo trạng số: 43/CT-VKSTPHB ngày 15/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Phan Công V, Nguyễn Phúc L và Nguyễn Văn Đ2 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, c Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo Xa Thị T2, Bùi Hồng G phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điểm i khoản 1 Điều 52; Điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Công V;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phúc L;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 98; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Xa Thị T2;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i Khoản 1 Điều 52; Khoản 2 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ2;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, điểm n Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 2 Điều 54; Điều 98; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Hồng G;

Tuyên các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Phan Công V**, **Nguyễn Phúc L** và **Nguyễn Văn Đ2** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, c Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo **Xa Thị T2**, **Bùi Hồng G** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù;
- Bị cáo **Phan Công V** từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù;
- Bị cáo **Nguyễn Phúc L** từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù;
- Bị cáo **Xa Thị T2** từ 30 đến 36 tháng tù;
- Bị cáo **Nguyễn Văn Đ2** từ 42 đến 48 tháng tù;
- Bị cáo **Bùi Hồng G** từ 30 đến 36 tháng tù;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định và đối với các công cụ, phương tiện phục vụ cho mục đích phạm tội và không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu, tiêu hủy;

Đối với các công cụ, phương tiện phục vụ cho mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu, phát mại, sung công quỹ nhà nước.

Đối với các giấy tờ cá nhân, đồ vật, tài liệu không liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị trả lại cho các bị cáo.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Phản tranh luận: Các bị cáo, người đại diện của bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo **Xa Thị T2**, **Bùi Hồng G** nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Trợ giúp viên pháp lý nêu các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo khi thực hiện phạm tội là người dưới 18 tuổi, là dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; Hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, tham gia với vai trò giúp sức, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người liên quan, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, các vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2023, các bị cáo Nguyễn Văn H, Phan Công V, Nguyễn Phúc L, Xa Thị T2, Bùi Hồng G và Nguyễn Văn Đ2 đã cùng nhau thực hiện hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của Nguyễn Văn H, địa chỉ tại số nhà H, đường M thuộc tổ A, phường T, TP .. Thời điểm phạm tội ngày 30/9/2023, bị cáo Bùi Hồng G đang có thai khoảng 08 tuần tuổi; các bị cáo Xa Thị T2, Bùi Hồng G đều là người dưới 18 tuổi.

Do vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn H, Phan Công V, Nguyễn Phúc L và Nguyễn Văn Đ2 đã phạm vào tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại các điểm b, c Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Xa Thị T2, Bùi Hồng G đã phạm vào tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại các điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội;

Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất rất nghiêm trọng, các bị cáo Nguyễn Văn H, Phan Công V, Nguyễn Phúc L, Xa Thị T2, Bùi Hồng G và Nguyễn Văn Đ2 đều là người có đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo không phải là người nghiện ma túy, nhưng do đua đòi, ham chơi nên đã có hành vi cùng tổ chức, cung cấp ma túy cho những người khác cùng sử dụng. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm. Do vậy, việc xử lý đối với các bị cáo là hoàn toàn cần thiết, cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội đồng phạm có tính chất giản đơn, với vai trò và mức độ thực hiện hành vi phạm tội căn cứ thể hóa đối với từng bị cáo, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Văn H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Phan Công V, Nguyễn Phúc L, Xa Thị T2 và Bùi Hồng G cùng thực hiện việc tổ chức sử dụng ma túy; H là người trực tiếp mua ma túy và dùng địa điểm là phòng trọ của bản thân để phục vụ việc tổ chức sử dụng ma túy; Ngoài ra H trực tiếp gọi điện cho bị cáo Nguyễn Văn Đ2 chỉ đạo Bùi Hồng G đến tham gia cùng sử dụng ma túy; Đồng thời cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi chế biến ma túy và đưa ma túy

cho **Xa Thị Kim H3** và các bị cáo **V**, **L**, **T2** và **G** cùng sử dụng. Nên **H** phải chịu trách nhiệm và giữ vai trò chính trong vụ án.

- Bị cáo **Phan Công V** là đồng phạm giữ vai trò giúp sức tích cực, trực tiếp chuyển số tiền 5.000.000 đồng cho bị cáo **H**, để **H** mua ma túy cho các bị cáo khác sử dụng. Do vậy bị cáo **V** phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

- Bị cáo **Nguyễn Phúc L** là đồng phạm giữ vai trò người giúp sức tích cực, trực tiếp đưa số tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo **H** nhằm góp tiền mua ma túy; Cung cấp 01 loa để phục vụ việc sử dụng ma túy; Chỉ đạo **Xa Thị T2** lấy đĩa, hơ nóng để bản thân trực tiếp chế biến ma túy cho các bị cáo **H**, **V**, **T2** sử dụng; Do vậy bị cáo **L** cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

- Bị cáo **Xa Thị T2** là đồng phạm giúp sức với vai trò thứ yếu, theo chỉ đạo của bị cáo **L** đã trực tiếp lấy 01 đĩa, 01 căn cước công dân và dùng điện thoại của cá nhân để soi đèn giúp bị cáo **Nguyễn Phúc L** chế biến ma túy; Đồng thời trực tiếp đưa ma túy cho **Xa Thị Kim H3** sử dụng; Nên có vai trò thấp hơn vai trò của bị cáo **L**.

- Bị cáo **Nguyễn Văn Đ2** là đồng phạm người giúp sức với vai trò thứ yếu, không có mặt trong quá trình khi các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy, tuy nhiên theo chỉ đạo của **Nguyễn Văn H** đã trực tiếp cung cấp người cùng sử dụng ma túy là bị cáo **G** nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, và **Đ2** biết rõ các bị cáo rủ rờ, tụ tập để cùng tổ chức sử dụng ma túy. Nên bị cáo **Đ2** phải chịu trách nhiệm đồng phạm với các bị cáo khác với vai trò giúp sức.

- Bị cáo **Bùi Hồng G** là đồng phạm giữ vai trò người thực hành, theo chỉ đạo của bị cáo **Đ2** đến phòng trọ của bị cáo **H** mục đích cùng sử dụng ma túy; trực tiếp chế biến ma túy cho bị cáo **V** sử dụng. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo tham gia so với các bị cáo khác có mức độ, xong bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên khi lượng hình, cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn Đ2** “*Phạm tội đối với phụ nữ có thai*” quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. HĐXX thấy thời điểm phạm tội, bị cáo **G** đang có thai khoảng 08 tuần tuổi. Mặc dù bị cáo **H** và bị cáo **Đ2** không biết việc bị cáo **G** có thai, tuy nhiên bị cáo **Đ2** là người chỉ đạo bị cáo **G** đến nhà bị cáo **H** để phục vụ cho việc tổ chức sử dụng ma túy; bị cáo **H** là người đã trực tiếp đưa ma túy cho **G** sử dụng. Nên có cơ sở để áp dụng tình tiết tăng nặng đối với hai bị cáo **H** và bị cáo **Đ2**.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo **H**, **V**, **L**, **T2**, **Đ2** và **G** đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên các bị cáo đều được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra:

- Đối với bị cáo **Nguyễn Văn H**: Năm 2011, bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình tặng giấy khen về danh hiệu học sinh giỏi toàn

diện năm học 2010-2011; Các năm 2013-2014 được Đoàn T9 trường Đại học S 2 tặng giấy khen về thành tích xuất sắc trong công tác Đ3 và phong trào thanh niên; các năm 2014, 2016 được Hội H7 tặng Bằng khen về thành tích đạt giải trong Hội thi Olympic sinh viên toàn quốc; Bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Văn B - được tặng Huy chương vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc năm 1996 và Huy chương vì sự nghiệp tư pháp năm 2000; Có bố đẻ là ông Nguyễn Văn N được Hội cựu chiến binh huyện M tặng giấy khen năm 2013 nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Phúc L: Bố đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Ngọc Đ1 được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Xa Thị T2: Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, trước khi phạm tội cư trú tại xã đặc biệt khó khăn, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời tại thời điểm xét xử bị cáo 17 tuổi 06 tháng 25 ngày. Do vậy cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 98, 101 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Bùi Hồng G: Thời điểm phạm tội ngày 29/9/2023 bị cáo G đang có thai nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Do vậy cũng được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 98, 101 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ2: Ngày 02/10/2023 bị cáo đến cơ quan công an để đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo có ông bà nội là Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị N3 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác bị cáo tham gia vụ án với vai trò là người giúp sức trong vụ án đồng phạm, bị cáo không tham gia sử dụng ma túy, bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, nên có cơ sở để xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[4] Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo Nguyễn Văn H khai mua của một người đàn ông tên K1. Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra đã làm việc đối với Đinh Phi K, sinh năm 1990, trú tại tổ F, phường H, TP.; Tuy nhiên K không thừa nhận hành vi bán ma túy cho H vào ngày 29/9/2023. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 307 ngày 02/02/2024 để tiếp tục điều tra về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy, HĐXX không đề cập xử lý đối với K trong vụ án này.

Quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 30/9/2023, Cơ quan điều tra đã phát hiện và thu giữ 02 mảnh viên nén màu trắng xác định có khối lượng 0,39gam là ma túy, loại MDMA được đặt trên mặt chiếc quạt nhựa tại phòng nơi các bị cáo đang tổ chức sử dụng ma túy. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận đây là số ma túy còn lại do các bị cáo mua về nhằm mục đích tổ chức sử dụng, tuy nhiên chưa kịp sử dụng hết. Mục đích của các bị cáo là sẽ sử dụng

hết số ma túy trong ngày 30/9/2023 và không nhằm giữ lại để sử dụng vào mục đích khác. Do vậy, chưa đủ cơ sở để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đối với các bị cáo.

Đối với **Xa Thị Kim H3** đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 30/9/2023 tại **số nhà H, đường M, tổ A, phường T, TP .** Quá trình điều tra xác định, **H3** không tham gia vào việc bàn bạc, góp tiền hay giúp sức cho các bị cáo trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời điểm ngày 30/9/2023, **Xa Thị Kim H3** chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm của tội phạm còn hạn chế; Mặt khác, bản thân **H3** cũng là người được thụ hưởng từ hành vi vi phạm pháp luật thông qua việc sử dụng ma túy cùng các bị cáo; Đồng thời khoảng thời gian tính từ thời điểm **H3** rời khỏi nhà **H** đến khi các bị cáo bị Cơ quan điều tra bắt quả tang là ngắn. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với **H3** về hành vi Không tố giác tội phạm. Cơ quan điều tra **Công an T** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **H3** về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy quy định là có căn cứ.

Đối với **Bùi Mạnh H5**, có hành vi chở bị cáo **G** đến nhà bị cáo **Nguyễn Văn H**. Quá trình điều tra xác định, giữa **H5** và **Đ2** chỉ có quan hệ bạn bè quen biết xã hội, bản thân **H5** không làm việc cho **Đ2**, **H5** không biết mục đích **Đ2** nhờ chở **G** đi để sử dụng ma túy; quá trình di chuyển **G** không nói cho **H5** biết mục đích đi làm là gì, đồng thời **H5** không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của **Đ2** và **G**. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với **H5** là phù hợp.

Đối với anh **Bùi Mạnh L2**, quá trình điều tra xác định: Bị cáo **H** và anh **L2** thuê chung phòng trọ và ở cùng nhau. Vào ngày 29/9/2023, bị cáo **H** đã gọi điện bảo **L2** ra phòng khách ngủ do có khách nên **L2** đồng ý và không tham gia vào hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **Bùi Mạnh L2** là có căn cứ, đúng quy định.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định, là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Xét thấy đối với đồ vật, vật chứng các bị cáo sử dụng với mục đích phạm tội, là vật không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy. Bao gồm: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ ATM **ngân hàng V1**; 01 đèn nháy màu trắng thu giữ của **Nguyễn Văn H**; 01 loa nghe Harman/kardon, thu giữ của **Nguyễn Phúc L**; 01 bếp gas nhãn hiệu YOKI của **Nguyễn Văn H**; 01 sim Viettel bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng thu giữ của **Nguyễn Văn H**; 01 sim Vinaphone bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím thu giữ của **Nguyễn Văn H**; 01 sim Viettel bên trong điện thoại Iphone 12 Promax, màu vàng thu giữ của **Phan Công V**; 01 sim Viettel nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám thu giữ của **Nguyễn Phúc L**; 01 sim Viettel bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám thu giữ của **Xa Thị T2**; 01 sim Viettel bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng thu giữ của **Bùi Hồng G**.

- Xét thấy đối với các đồ vật, vật chứng các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, là vật còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, phát mại, sung công quỹ nhà

nước. Bao gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, thu giữ của **Nguyễn Văn H**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, thu giữ của **Nguyễn Văn H**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng của **Phan Công V**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám của **Nguyễn Phúc L**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám của **Xa Thị T2**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng thu giữ của **Nguyễn Văn Đ2**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng của **Bùi Hồng G**.

- Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ (*Mười nghìn đồng*); 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), loại tiền do **Ngân hàng N4** lưu hành thu giữ của **Nguyễn Văn H**, xét bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội và là số tiền mục đích để mua ma túy sử dụng, cần tịch thu, xung công quỹ.

- Đối với 01 Căn cước công dân mang tên **Xa Thị T2**, xét là giấy tờ cá nhân của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo **T2**.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen, model: 220117SG, bên trong có 01 sim Vietnammobile, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của **Phan Công V** được **V** sử dụng vào mục đích liên lạc cá nhân, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 02 thẻ nhớ thu giữ từ camera tại nhà thuê của bị cáo **Nguyễn Văn H** xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 USB lưu giữ sau giám định trích xuất điện thoại của bị cáo **Nguyễn Văn Đ2**, cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[6]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điểm i khoản 1 Điều 52; Điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn H**;

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo **Phan Công V**;

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo **Nguyễn Phúc L**;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 98; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo **Xa Thị T2**;

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i Khoản 1 Điều 52; Khoản 2 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo **Nguyễn Văn Đ2**;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, điểm n Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 2 Điều 54; Điều 98; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo **Bùi Hồng G**;

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Phan Công V**, **Nguyễn Phúc L**, **Xa Thị T2**, **Bùi Hồng G**, **Nguyễn Văn Đ2** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Văn H** 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2023.

- Bị cáo **Phan Công V** 07 (**B1**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2023.

- Bị cáo **Nguyễn Phúc L** 07 (**B1**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2023.

- Bị cáo **Xa Thị T2** 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2023.

- Bị cáo **Nguyễn Văn Đ2** 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2023.

- Bị cáo **Bùi Hồng G** 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên

2.1. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (Một) hộp niêm phong vật chứng ghi “*Mẫu vật còn lại sau giám định. Vụ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và đồng bọn – Có hành vi phạm tội về ma túy xảy ra ngày 30/9/2023. Tại phường T, thành phố H*”. Gồm:

+ Toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định;

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng;

+ 01 (một) thẻ ATM **ngân hàng V1** được đựng trong 01 (một) hộp niêm phong vật chứng ghi “*Mẫu vật còn lại sau khi giám định. Vụ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và đồng bọn - Có hành vi phạm tội về ma túy xảy ra ngày 30/9/2023. Tại phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình*”;

+ 01 (một) đèn nháy màu trắng thu giữ của **Nguyễn Văn H**;

+ 01 (một) loa nghe nhạc, màu đen, nhãn hiệu Harman/kardon, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của **Nguyễn Phúc L**;

+ 01 (một) bếp gas nhãn hiệu YOKI, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của **Nguyễn Văn H**;

+ 01 (một) sim Viettel bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng thu giữ của **Nguyễn Văn H**;

+ 01 (một) sim Vinaphone bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím thu giữ của **Nguyễn Văn H**;

+ 01 (một) sim Viettel bên trong điện thoại Iphone 12 Promax, màu vàng thu giữ của **Phan Công V**;

+ 01 (một) sim **V3** nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám thu giữ của **Nguyễn Phúc L**;

+ 01 (một) sim Viettel bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám thu giữ của **Xa Thị T2**;

+ 01 (một) sim Viettel bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng thu giữ của **Bùi Hồng G**.

2.2. Tịch thu, phát mại, xung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000đ (*Mười nghìn đồng*);

+ 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), loại tiền do **Ngân hàng N4** lưu hành thu giữ của **H**;

2.3. Tịch thu, xung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, mặt lưng bị vỡ, màn hình màu đen bị rạn vỡ, số IMEI: 357221099038144 của **Nguyễn Văn H**;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, số IMEI: 356800114678918 của **Nguyễn Văn H**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số IMEI: 350888746217060 của **Phan Công V**;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số IMEI: 353167668447154 của **Nguyễn Phúc L**;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số IMEI: 350408481274877 của **Xa Thị T2**;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, số IMEI: 352906119086751, mặt kính màu đen của **Bùi Hồng G**.

2.4. Tuyên trả lại vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo **Xa Thị T2** 01 Căn cước công dân mang tên **Xa Thị T2** trong 01 hộp niêm phong

- Trả lại cho bị cáo **Phan Công V** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen, model: 220117SG, bên trong có 01 (một) sim Vietnammobile, tình trạng đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn Đ2** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số IMEI 1: 35720092415353, số IMEI 2: 35720092441052.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn H** 02 thẻ nhớ trong 01 phong bì niêm phong vật chứng ghi “*Vụ: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 30/9/2023 tại tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình*”

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 73/BB/24 ngày 05/4/2024 giữa Cơ quan CSĐT **Công an thành phố H** và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình)

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Các bị cáo: Nguyễn Văn H, Phan Công V, Nguyễn Phúc L, Xa Thị T2, Nguyễn Văn Đ2, Bùi Hồng G mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; Người giám hộ cho bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi; Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Công an thành phố HB;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS TPHB;
- Các bị cáo, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan;;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Đỗ Thị Quỳnh Anh